TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU
Bản án số: 116/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21-9-2020
V/v: "Ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Minh Tấn.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Tấn Lộc**

Ông **Nguyễn Minh Trọn**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Châu Sơn Ca** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2020 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 255/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị N**, sinh năm 1959 (có mặt)

- Bị đơn: Ông **Trần Văn Q**, sinh năm 1955(vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bùi Thị N trình bày: Bà Bùi Thị N và ông Trần Văn Q chung sống với nhau như vợ, như chồng vào năm 1993, không đăng ký kết hôn. Qúa trình chung sống thường phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cự cải nhau. Tuy hai bên gia đình có tổ chức hàn gắn nhưng không đạt được và đã ly thân từ tháng 5 năm 2010. Nay bà N xét thấy cuộc sống không hạnh phúc, nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn Q

Về con chung: Bà Bùi Thị N và ông Trần Văn Q có 01 người con chung tên Trần Quốc Dương, sinh ngày 16/01/1995 đã trưởng thành và tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Trần Văn Q, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Q vắng mặt không rỏ lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Trần Văn Q.

Tại phiên tòa, bà Bùi Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Bùi Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Trần Văn Q, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "*Ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Ông Trần Văn Q vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Trần Văn Q theo quy định tại Điều 207 và Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Đồng thời, vụ án không thuộc trường hợp quy định Khoản 2 điều 21 của Bộ Luật tố tụng dân sự nên Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của bà Bùi Thị N xin ly hôn với ông Trần Văn Q thấy rằng: Bà Bùi Thị N và ông Trần Văn Q chung sống với nhau như vợ, như chồng vào năm 1993, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này"*

Khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này"*

Như vậy, bà Bùi Thị N và ông Trần Văn Q chung sống với nhau như vợ, như chồng nhưng không đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ quan hệ giữa vợ và chồng. Do đó, cần tuyên bố bà Bùi Thị N và ông Trần Văn Q không phải là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung đã thành niên và tự nuôi sống bản thân mình, về tài sản và nợ chung các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình bà Bùi Thị N là người cao tuổi được miễn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 207 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều: 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

1.Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Bùi Thị N và ông Trần Văn Q là quan hệ vợ chồng.

2.Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Bùi Thị N được miễn.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

"*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi CụcTHADS huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Tân, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Minh Tấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Lộc **Nguyễn Minh Trọn** **Hồ Minh Tấn**